

Số: /BC-THPTNT

Nà Tấu, ngày 06 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Nà Tấu báo cáo thường niên về việc công khai trong trường học theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Nà Tấu

2. Địa chỉ: Bản Trung Tâm, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 02153.951.710

- Địa chỉ thư điện tử: truongthptnatau@gmail.com

- Cổng thông tin điện tử: thptnatau.dienbien.edu.vn

3. Loại hình tổ chức: Trường THPT công lập.

- Trường THPT Nà Tấu là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định Luật Giáo dục, Điều lệ trường phổ thông và Quy chế tổ chức và hoạt động các trường công lập, nhà trường có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông.

Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; tham gia tuyển dụng và điều động giáo viên, cán bộ, nhân viên.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của nhà nước.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng

- Xây dựng môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn.

- Đội ngũ vừa hồng vừa chuyên để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo; tạo cơ hội cho học sinh phát huy hết những năng lực vốn có.

- Hướng tới hoàn thành sứ mệnh “Công dân toàn cầu là sản phẩm của chúng tôi”.

- Phong cách văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc; phong cách giao tiếp và truyền đạt mới mẻ là nền tảng để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030 trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, giáo dục ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi giáo viên luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc, thành đạt và hạnh phúc.

4.3 Giá trị cốt lõi

- Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Hòa nhập, dũng cảm, đam mê, thích ứng.

4.4. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

- Tinh thần, trách nhiệm

- Sáng tạo đổi mới

- Hợp tác, chia sẻ

- Đoàn kết, dân chủ

- Kỷ cương, nền nếp

- Truyền thống, hội nhập.

4.5. Mục tiêu

Xây dựng nhà trường trở thành một trường có uy tín về chất lượng giáo dục, đạt chuẩn Quốc gia; là một mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển của tỉnh và đất nước; từng bước phấn đấu trở thành trường học hạnh phúc.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Được thành lập ngày 30/8/2004 theo Quyết định số : 57/QĐ/UB của UBND tỉnh Điện Biên. Trường đóng trên địa bàn Xã Nà Tấu. Trên 95 % là con em dân tộc ít người, bao gồm dân tộc Thái, Khơ Mú, H'mông, Hoa ... Vùng tuyển sinh gồm 05 Xã: Nà Tấu, Mường Phăng. Trải qua 22 năm xây dựng và trưởng thành, trường đã không ngừng phát triển, tổ chức hoạt động giáo dục có hiệu quả, đào tạo hàng ngàn học sinh con em nhân dân các dân tộc xã Nà Tấu, góp phần thực hiện mục tiêu “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh Điện Biên.

Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên cùng với sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ, giáo viên nhân viên và học sinh, Trường THPT Nà Tấu đã hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học, nhiều lần vinh dự được UBND tỉnh Điện Biên, Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen. Đồng hành cùng với việc thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đã chủ động tích cực đổi mới công tác quản lý, đổi

mới hình thức, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Nhà trường luôn chú trọng công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống, tinh thần đoàn kết và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Trong những năm vừa qua, chất lượng giáo dục của nhà trường có những bước phát triển vững chắc và toàn diện hơn. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi được duy trì đạt và vượt tiêu chí của trường chuẩn quốc gia. Cán bộ giáo viên, học sinh tích cực tham gia và đạt thành tích cao trong các kì thi chuyên môn, văn hóa văn nghệ, thể thao do huyện, Sở Giáo dục tổ chức. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT trong 5 năm vừa qua luôn duy trì ở mức 96-100%. Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường Đại học, cao đẳng đạt trên 40%. Tổ chức Đoàn Thanh niên hoạt động tích cực, góp phần để nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm học.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Nguyễn Văn Huynh
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ: Bản Trung Tâm - xã Nà Tấu - Tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0917.624.628; địa chỉ thư điện tử: DSTNgHuynh@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục.

- Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 30/8/2004 của UBND tỉnh Điện Biên về việc về việc thành lập trường THPT Nà Tấu.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

- Quyết định số 284/QĐ-SGDĐT ngày 08/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc công nhận Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở - Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 15/QĐ-SGDĐT ngày 08/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở - Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông nhiệm kỳ 2020-2025.

- Hội đồng trường chấm dứt từ ngày 01/01/2026

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục.

- Quyết định bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Huynh giữ chức vụ Hiệu trưởng, kèm theo Quyết định số 37/QĐ-SGDĐT ngày 16/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều động và bổ nhiệm viên chức.

- Quyết định bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Khiêm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, kèm theo Quyết định số 2606/QĐ-SGDĐT ngày 30/09/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm lại viên chức.

- Quyết định bổ nhiệm đồng chí Trần Viết Cần giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, kèm theo Quyết định số 1002/QĐ-SGDĐT ngày 07/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm viên chức.

Danh sách cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ mail
1	Nguyễn Văn Huynh	Hiệu trưởng	0917624628	DSTNgHuynh@gmail.com.
2	Nguyễn Văn Khiêm	Phó hiệu trưởng	0979268342	nguyenkhiemhk@gmail.com
3	Trần Viết Cần	Phó hiệu trưởng	0915521022	tranvietcan@gmail.com

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TC	CD	ĐH	Ths	Hạng I	Hạng II	Hạng III	T	K	Đ	Không đạt
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý												
	- Hiệu trưởng	01	0	0	0	01		1	0	1	0		
	- Phó Hiệu trưởng	02	0	0	0	02		2	0	1	0		
2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	31	0	0	24	07		08	23	29	2		
	- Toán	06	0	0	02	04		2	4	6	0		
	- Vật lí	02	0	0	02	0		1	1	0	0		
	- Hóa học	03	0	0	02	1		1	2	3	0		
	- Sinh	03	0	0	02	1		1	2	3	0		
	- Tin	02	0	0	02	0		0	2	2	0		
	- Ngữ văn	03	0	0	02	01		2	1	3	0		
	- Lịch sử	02	0	0	02	0		0	2	2	0		
	- Địa lí	02	0	0	02	0		0	2	2	0		
	- Tiếng anh	04	0	0	04	0		0	4	3	1		
	- (GDKT&PL)	01	0	0	01	0		0	1	1	0		
	- Công nghệ	1	0	0	1	0		0	1	1	0		
	- GDTC	02	0	0	02	0		1	1	0	1		
	- Thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0							
	- Giáo vụ	0	0	0	0	0							
	- Tư vấn học sinh	0	0	0	0	0							
	- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0							

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TC	CD	ĐH	Ths	Hạng I	Hạng II	Hạng III	T	K	Đ	Không đạt
3	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	05	02	0	03	0							
	- Thư viện	01	0	0	01	0							
	- Chuyên viên về quản trị công sở	0	0	0	0	0							
	- Kế toán viên	01	0	0	01	0							
	- Cán sự thủ quỹ/VT	01	01	0	0	0							
	- Thiết bị	01	0	0	1	0							
	- Y tế học đường	01	01	0	01	0							
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	03	0	0	0	0							
1	Nhân viên Bảo vệ	02	0	0	0	0							
2	Nhân viên Phục vụ	01	0	0	0	0							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	Tổng diện tích 28.828 m2 Trung bình 51,02 m ² /học sinh.	Tổng diện tích 28.828 m2 Trung bình 49,70 m ² /học sinh.
2	Diện tích sàn/người học (m2)	6639,94m ² /565; Trung bình 11,7m ² /học sinh	6639,94m ² /580; Trung bình 11,44m ² /học sinh
3	Tỉ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	14/14	14/14
5	Số bản sách/người học	35 bản/học sinh	35 bản/học sinh
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng dạy học trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1000 người học (Mbps)	0.37 Mbps	0.37 Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất	Diện tích sàn
1	Trụ sở chính	Bán Trung tâm, xã Nà Tàu, tỉnh Điện Biên	28.828 m ²	6639,94m ²

2	Cơ sở 2	-	-	
3	Phân hiệu	-	-	

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí
1	Xây mới toà nhà	0	0
2	Nâng cấp, sửa chữa toà nhà	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm	0	0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hàng năm thực hiện xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đánh giá ngoài vào năm 2024.

Kết quả: Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện công nhận kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2. UBND tỉnh Điện Biên đã công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Hàng năm nhà trường thực hiện các xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục các hạn chế, phát huy ưu điểm của đơn vị từ đó nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia kết quả rèn luyện	562	177	204	181
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	85,9%	82,5%	79,9%	96,1%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	11,9%	14,7%	17,2%	3,3%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2,1%	2,8%	2,9%	0,6%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	562	177	204	181

1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	13,3%	5,6%	8,3%	26,5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	65,5%	54,8%	70,6%	70,2%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	20,5%	37,9%	20,6%	3,3%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0,7%	1,7%	0,5%	0%
5	Không xếp loại (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm (khối 10+11)	309	115	194	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	97,8%	98,3%	95,5%	99,45%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	0,2%	0%	0%	0,6
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	13,2%	5,6%	8,3%	26
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,9%	2,3%	0,5%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,7%	1,7%	0,5%	0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	181	0	0	181
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				
VII	Số học sinh hoàn thành CT	181	0	0	181
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	309/253	100/77	113/91	96/85
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	536	164	202	170

2. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2026-2027

TT	Nội dung	Chia ra theo khối		
		Khối 10	Khối 11	Khối 12
I	Điều kiện	Thi tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT; Hướng dẫn tuyển sinh số	Xét lên lớp căn cứ vào kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực của học	Xét điều kiện dự thi tốt nghiệp THPT căn cứ vào kết quả xếp

	tuyển sinh	1338/SGDĐT-GDMNPT ngày 11/4/2026 của Sở GDĐT; Học sinh trúng tuyển được phê duyệt theo quyết định của Sở Giáo dục.	sinh được thực hiện theo quy định của Thông tư số 22/2021/TT BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD-ĐT ban hành;	loại hạnh kiểm và học lực của học sinh được xếp loại theo qui định của Thông tư số 22/2021/TT BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD-ĐT ban hành Công nhận tốt nghiệp THPT căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp THPT theo Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
II	Chương trình giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GDĐT qui định, trên cơ sở Chương trình nhà trường xây dựng phù hợp với đặc điểm học sinh của trường (CT GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT BGDĐT ngày 26/12/2018)). - Học sinh học 06 môn học và 02 hoạt động giáo dục bắt buộc; lựa chọn 04 môn trong các môn học còn lại; vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường. - Xây dựng các cụm chuyên đề học tập lựa chọn phải phù hợp với định hướng nghề nghiệp. - Đánh giá HS theo Thông tư 22/2021/TTBGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT (lớp 10) - Tổ chức học chính khóa ca sáng, ca chiều bố trí học các hoạt động dạy học, ôn tập củng cố kiến thức, ôn HSG	Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GDĐT qui định, trên cơ sở Chương trình nhà trường xây dựng phù hợp với đặc điểm học sinh của trường (CT GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT BGDĐT ngày 26/12/2018)). - Học sinh học 06 môn học và 02 hoạt động giáo dục bắt buộc; lựa chọn 04 môn trong các môn học còn lại; vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường. -Xây dựng các cụm chuyên đề học tập lựa chọn phải phù hợp với định hướng nghề nghiệp. - Đánh giá HS theo Thông tư 22/2021/TTBGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT (lớp 10) - Tổ chức học chính khóa ca sáng, ca chiều bố trí	Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GDĐT qui định, trên cơ sở Chương trình nhà trường xây dựng phù hợp với đặc điểm học sinh của trường (CT GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT BGDĐT ngày 26/12/2018)). - Học sinh học 06 môn học và 02 hoạt động giáo dục bắt buộc; lựa chọn 04 môn trong các môn học còn lại; vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường. - Xây dựng các cụm chuyên đề học tập lựa chọn phải phù hợp với định hướng nghề nghiệp. - Đánh giá HS theo Thông tư 22/2021/TTBGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT (lớp 10)

		học các hoạt động dạy học, ôn tập củng cố kiến thức, ôn HSG	10) - Tổ chức học chính khóa ca sáng, ca chiều bố trí học các hoạt động dạy học, ôn tập củng cố kiến thức, ôn HSG - Tổ chức ôn tập, ôn thi tốt nghiệp THPT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	* Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội: - Trong năm học nhà trường tổ chức họp phụ huynh học sinh 3 lần vào dịp đầu năm học, kết thúc học kỳ I và cuối năm học. Trao đổi tình hình học sinh thường xuyên qua giáo viên chủ nhiệm lớp bằng các hình thức như thư liên lạc gửi về gia đình, điện thoại, qua trao đổi trực tiếp với phụ huynh khi cần, qua thông báo với UBND xã có học sinh đang học tại trường. - Thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường và gia đình. - Huy động mọi nguồn lực của cộng đồng cùng chăm lo sự nghiệp giáo dục của trường. - Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. * Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Học sinh phải kính trọng thầy giáo, cô giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; - Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường ; - Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn và bảo vệ môi trường; - Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tham gia công tác xã hội; - Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường; - Có hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo đúng qui định của nhà trường; - Không vi phạm những điều cấm đối với học sinh theo qui định của điều lệ trường Trung học. - Có thái độ tích cực, đấu tranh ngăn chặn những hành vi bị cấm ở trong nhà trường và giúp bạn cùng tiến bộ; - Lên lớp học tập chuyên cần, không bỏ học vì bất kỳ lý do nào.	
IV	Điều kiện cơ sở vật chất	Có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu theo qui định của Bộ GDĐT. Có 14 phòng học kiên cố có đầy đủ bàn ghế, 02 phòng học bộ môn, 02 phòng Tin học với 44 máy tính được kết nối internet, 02 phòng học tiếng; hệ thống máy chiếu được lắp đặt đầy đủ 1 chiếc/1 lớp. Thường học sinh tham gia các cuộc thi cấp	

	của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	tỉnh đạt giải, học sinh đạt học sinh xuất sắc, học sinh giỏi vào cuối kỳ I và cuối năm học. Có nhà ở và bếp ăn tập thể cho học sinh. Điều kiện về điện, nước, văn phòng phẩm đảm bảo đủ cho sinh hoạt và học tập. Môi trường học đường lành mạnh.
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Học sinh yếu, kém được học phụ đạo, bồi dưỡng kiến thức. Hàng tháng học sinh được tham gia các hoạt động ngoại khóa bổ trợ kiến thức các môn học, tham gia sinh hoạt tại các CLB theo sở thích, năng lực và nguyện vọng; tham gia các buổi tuyên truyền về: pháp luật, sức khỏe sinh sản, kỹ năng sống, môi trường, an toàn giao thông, tư vấn nghề nghiệp. Được nhận các quà tặng của các tổ chức, cá nhân tài trợ. Được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, các hoạt động mang tính truyền thống có tác dụng giáo dục lớn.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

a. Nguồn ngân sách:

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYỀN
Dự toán năm trước chuyển sang (1)	11.889.989	
Dự toán giao (2)	9.173.720.000	1.315.930.000
Dự toán bổ sung (3)		
Dự toán giảm (4)		
Dự toán thu (1+2+3-4)		
Dự toán chi	9.181.304.323	1.311.373.000
1. Tiền lương	4.318.570.185	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	145.626.060	
3. Phụ cấp lương	2.950.690.007	

ĐVT: đồng

4. Các khoản đóng góp	1.182.301.690	
5. Tiền thưởng	55.926.000	429.280.000
6. Phụ cấp làm thêm giờ		
7. Phúc lợi tập thể	5.988.000	
8. Chi thu nhập tăng thêm		
9. Thanh toán dịch vụ công cộng	39.452.938	
10. Vật tư văn phòng	43.209.760	
11. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	22.371.141	
12. Công tác phí	61.250.000	
13. Chi phí thuê mướn		
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	116.797.000	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	75.148.712	33.980.000
16. Mua sắm tài sản vô hình	33.227.480	30.000.000
17. Chi khác	101.261.350	83.395.000
18. Chi đảm bảo xã hội hbhs		
19. Hỗ trợ chi phí học tập		734.718.000
20. Trợ cấp Tết Nguyên Đán		
DỰ TOÁN CÒN LẠI	4.305.666	4.557.000
CHUYỂN SANG NĂM 2025	4.305.666	
		4.557.000

b. Nguồn dịch vụ: Không

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Miễn giảm học phí	567	83.395.000	
Hỗ trợ chi phí học tập	141	184.350.000	
Học bổng học sinh khuyết tật			
Hỗ trợ tiền ăn, ở	61	550.368.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2025-2026 và dự kiến năm học 2026-2027

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học		
2	Dịch vụ dọn nhà vệ sinh học sinh	đồng/học sinh/ năm học		
3	Giấy thi, giấy nháp	đồng/học sinh/ năm học		
4	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng		

II	Năm học 2026-2027			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học		
2	Dịch vụ dọn nhà vệ sinh học sinh	đồng/học sinh/ năm học		
3	Giấy thi, giấy nhập	đồng/học sinh/ năm học		
4	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng		

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2025

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	9.705.016	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	268.165.421	
III	Số dư tiền gửi tại ngân hàng agribank	Đồng		
IV	Số dư tiền gửi tại ngân hàng Vietinbank	Đồng		

5. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2026

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2026	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2026
1	2	3	4
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.787.780.000	5. 479.718.039
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.448.000.000	5.083.502.039
	Tiền lương		2. 527.706.706
	Lương hợp đồng theo chế độ		89.876.320
	Phụ cấp lương		1. 706.120.042
	Các khoản đóng góp		675. 299.443
	Tiền thưởng		
	Phúc lợi tập thể		1. 497.000
	Phụ cấp làm thêm giờ		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		18.414.528
	Vật tư văn phòng		320. 000
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		6. 200.800
	Công tác phí		
	Chi phí thuê mướn		
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		42.589.200
	Mua sắm tài sản vô hình		1. 690.000
	Chi khác		13.338.000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.339.780.000	396.666.000
	Phụ cấp làm thêm giờ		
	Lương hợp đồng theo chế độ		
	Tiền thưởng		
	Các khoản đóng góp		

	Mua sắm tài sản vô hình		
	Chi khác		99.750.000
	Thanh toán dịch vụ công cộng		
	Hỗ trợ tiền ăn, ở		
	Học bổng học sinh		296. 916.000
	Chi trợ cấp Tết Nguyên Đán		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông trong nhà trường;

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm;

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho giáo viên và học sinh. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDKT&PL và Hoạt động trải nghiệm...

2. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

- Giáo dục cho học sinh niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức giáo dục như cho học sinh tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn;

- Cơ bản trang bị cho học sinh những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết tuy nhiên việc tuyên truyền nội dung này còn chưa sâu rộng.

3. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường. Triển khai thực hiện Đề án 06 trong toàn trường.

Trên đây là báo cáo công khai các hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 của trường THPT Nà Tấu./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Đăng Website, bảng tin trường;
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Huynh